



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN LỘC TRỜI

Địa chỉ: 23 Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại: +84. 296 3841299 Fax: +84. 296 3841327
Đại diện bởi: Ông Huỳnh Văn Thôn, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
GCNĐKDN số: 1600192619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp

An Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng,

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng,

Các văn bản nêu trên được ban hành đã thay thế Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng. Do đó, Điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời phải sửa đổi, bổ sung để đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời được trình bày tại đề xuất đính kèm.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu văn thư



HUỲNH VĂN THÔN

ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG ĐIỀU LỆ

(Đính kèm theo Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 (sau đây gọi tắt là "LDN");
- Căn cứ Luật chứng khoán 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2010;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là "Nghị định 71");
- Căn cứ Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là "Điều lệ mẫu")

II. Ngày lập bảng đề xuất: 15/6/2018

III. Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung, thuyết trình

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA	THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH
1	Sửa đổi điểm 10, 12, 13, 14 khoản 1.1 Điều 1 [Định nghĩa từ ngữ]		
	12. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.	12. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.	Để phù hợp với khái niệm tại các văn bản pháp luật khác
	12. "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu hợp pháp một hoặc một số cổ phần của	12. "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu hợp pháp một hoặc một số cổ phần của công ty.	

	<p>công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.</p>		
	<p>13. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p>13. "Người điều hành công ty" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty;</p>	
	<p>14. "Những người liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 17 - Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>14. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p>	
2	Sửa đổi khoản 2.3, 2.4 Điều 4 [Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty]		
	<p>2.1 Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Địa chỉ: số 23, đường Hà Hoàng Hồ, P. Mỹ Xuyên, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang ▪ Điện thoại: (076) 3841 299 – 3945 786 ▪ Fax: (076) 3841 327 – 3841 498 ▪ Email: agpps@agpps.com.vn ▪ Website: http://www.loctroi.vn 	<p>2.1 Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Địa chỉ: số 23 Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ▪ Điện thoại: (0296) 3841 299 – 3945 786 ▪ Fax: (0296) 3841 327 – 3841 498 ▪ Email: loctroi@loctroi.vn ▪ Website: http://www.loctroi.vn 	<p>Để phù hợp với thông tin hiện tại của Công ty</p>
	<p>2.4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>2.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Để phù hợp với GCNĐKDN hiện nay của Công ty.</p>

3	Sửa đổi khoản 6.8 Điều 6 [Vốn điều lệ, cổ phần]		
<p>6.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>6.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Căn cứ Điều 6.8 Điều lệ mẫu. Đồng thời, việc quy định phải đạt tỷ lệ “nhất trí” là mâu thuẫn với tỷ lệ biểu quyết thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại Điều 21, 22 Điều lệ Công ty và LDN.</p>	
4	Sửa đổi các khoản 7.1, khoản 7.2, khoản 7.4, bãi bỏ khoản 7.6 Điều 7 [Chứng chỉ cổ phiếu]		
<p>Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu</p> <p>7.1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu dưới hình thức sổ chứng nhận sở hữu cổ phần, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7.6 của Điều này.</p> <p>7.2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>7.1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>7.2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Căn cứ Điều 7 Điều lệ mẫu và nhằm phù hợp với quy định về giao dịch cổ phiếu tại VSD.</p>	

<p>chứng chỉ cổ phiếu chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>7.3. Trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p> <p>7.4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>7.5 Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty và cam đoan thực hiện đúng</p>	<p>7.3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>7.4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty</p>	
--	---	--

	<p>theo quy định tại Khoản 3 - Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>7.6 Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất dưới mọi hình thức.</p> <p>7.7. Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>		<p>Bãi bỏ vì theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014: Không còn loại hình “chứng chỉ cổ phiếu ghi danh”</p>
5	Sửa đổi khoản 9.1 Điều 9 [Chuyển nhượng cổ phần]		
<p>9.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty thực hiện việc lưu ký, chuyển nhượng, phát hành cổ phiếu theo các quy định của pháp luật</p>	<p>9.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp</p>	<p>Điều 9.1 Điều lệ mẫu.</p> <p>Bên cạnh đó, hiện tại cổ phiếu của công ty đang được đăng ký giao dịch Upcom chứ chưa niêm yết.</p>	



	về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán.	luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
6	Sửa đổi tên chương III và Điều 11 [Cơ cấu tổ chức quản lý]		
	<p>CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đại hội đồng cổ đông; ▪ Hội đồng quản trị; ▪ Ban điều hành: Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; ▪ Ban kiểm soát. 	<p>CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc. 	<p>Điều 134 LDN;</p> <p>Điều 11 Điều lệ mẫu;</p>
7	Sửa đổi khoản 14.3 Điều 14 [Đại hội đồng cổ đông]		
	<p>14.3. Hội Đại hội đồng cổ đông bất thường được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; 2 Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa; 	<p>14.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; 	<p>Căn cứ Khoản 3 Điều 10 Điều lệ mẫu</p>

<p>3 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn 05 (năm) người hoặc ít hơn một nửa số thành viên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ hiện hành;</p> <p>4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông liên quan);</p> <p>5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 - Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ hiện hành được bầu đầu nhiệm kỳ;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.3 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	
--	--	--

	6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
8	Sửa đổi khoản 15.2, 15.3 Điều 15 [Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông]		
	<p>15.2 Đại hội đồng cổ đông tại họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>4 Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>11 Quyết định giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>15.2 Đại hội đồng cổ đông tại họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>11 Quyết định giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>Điều chỉnh thuật ngữ để chuẩn xác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Theo quy định của LDN và Điều lệ mẫu, việc bổ nhiệm TGD thuộc thẩm quyền của HĐQT.</p> <p>Điểm d khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp</p>
	<p>15.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Các hợp đồng quy định tại Khoản 15.2 của điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	<p>15.3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Các hợp đồng quy định tại Khoản 15.2 của điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	<p>Điểm a Điều 15.3 Điều lệ mẫu</p>

	2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.	2. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.	
9	Sửa đổi Điều 18. [Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông]		
	18.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: 1. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp ; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; 2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông; 3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.	18.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp ; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;	Điều 18.2 Điều lệ mẫu

		<p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	
<p>18.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại họp Đại hội đồng cổ đông. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên website của công ty, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.</p>	<p>18.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư hoặc chuyển tận tay có ký nhận). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>Điều 18.3 Điều lệ mẫu</p>	

<p>Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p> <p>Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên website của công ty. Trong trường hợp này, thông báo mời họp sẽ ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p>	<p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	 
<p>18.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 12.3 - Điều 12 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng</p>	<p>18.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 12.3 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh</p>	<p>Điều 18.4 Điều lệ mẫu</p>

	<p>và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>18.4. Giữ nguyên</p>	
	<p>18.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 18.4 của Điều này trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; 2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng; 3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 4. Những vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật. 5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	<p>18.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 18.4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <p>18.5. Giữ nguyên</p>	<p>Điều 18.5 Điều lệ mẫu</p>

	<p>Trường hợp đề xuất không thuộc các trường hợp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại khoản 18.4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp. Đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>		
	<p>18.6 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p><i>Bỏ Điều 18.6 Điều lệ hiện hành (do người triệu tập họp sẽ dự thảo Nghị quyết, không phải trong mọi trường hợp đều do Hội đồng quản trị chuẩn bị dự thảo Nghị quyết ĐHCĐ)</i></p>	<p>Điều 18 Điều lệ mẫu</p>
	<p>18.7 Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại họp Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p>18.6 Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại họp Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình</p>	<p><i>Chuyển Điều 18.7 Điều lệ hiện hành thành Điều 18.6</i></p>
10	<p>Sửa đổi Khoản 20.9, Khoản 20.10 Điều 20 [Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại họp Đại hội đồng cổ đông]</p>		
	<p>20.9 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra</p>	<p>20.9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng</p>	<p>Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014</p>

<p>hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>20.10 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông; 2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; 3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>20.10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; 2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; 3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 	<p>Điều 20.8, 20.9 Điều lệ mẫu</p>
--	--	------------------------------------

11	Sửa đổi khoản 21.1, 21.3, bổ sung khoản 21.4 Điều 21.[Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông]		
<p>21.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 21.2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; 2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; 3. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc; 4. Các vấn đề khác không bao gồm các vấn đề quy định trong Khoản 21.2. 	<p>21.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 21.2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; 2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; 3. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc; 4. Các vấn đề khác không bao gồm các vấn đề quy định trong Khoản 21.2. 	<p>Điều chỉnh thuật ngữ “Phiếu bầu” thành “Phiếu biểu quyết” để phù hợp với LDN</p>	
<p>21.2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi</p>	<p>21.2 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong</p>	<p>Sửa đổi tỷ lệ giá trị giao dịch để phù hợp với đề xuất sửa đổi tại điểm 11 khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ</p>	

	nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại họp Đại hội đồng cổ đông.	báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại họp Đại hội đồng cổ đông.	
	21.3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức bầu cử do Hội đồng quản trị đề nghị.	21.3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức bầu cử do Hội đồng quản trị đề nghị và được ĐHĐCĐ chấp thuận.	
	Không có	21.4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	Điều 148.2 Luật Doanh nghiệp 2014 Điều 21.4 Điều lệ mẫu
12	Sửa đổi Khoản 22.3, Khoản 22.7 Điều 22. [Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông]		
	22.3 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;	22.3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và	Khoản 2 Điều 145 LDN Điều 22.2 Điều lệ mẫu

		cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	
	22.7 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	22.7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Điều 22.7 Điều lệ mẫu
13	Sửa đổi Điều 23. [Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông]		
	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa đại hội chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký đại hội, và được lập	23.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể được lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;	Điều 23 Điều lệ mẫu

	<p>theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>23.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>22.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp.</p>	
--	---	---	--

		<p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
14	Sửa đổi Điều 24. [Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông]		
	<p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>24.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>24.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện</p>	<p>Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2014</p> <p>Điều 24 Điều lệ mẫu</p>

	<p>24.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>24.3 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 21.4 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>24.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
15	<p>Sửa đổi khoản 25.2, bãi bỏ khoản 25.7 Điều 25. [Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị]</p>		
	<p>25.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>25.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 12.3 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p>

	<p>25.7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, bằng hình thức bỏ phiếu tín nhiệm, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và nhiệm kỳ của thành viên này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bãi bỏ.</p> <p><i>Chuyển khoản 25.8 Điều lệ hiện hành thành Khoản 25.7.</i></p>	<p>Để phù hợp với Khoản 3 Điều 156 Luật doanh nghiệp, Nghị định 71 và Điều 26 Điều lệ mẫu (trong mọi trường hợp thành viên HĐQT đều do ĐHCĐ bầu ra)</p>
16	Sửa đổi Khoản 26.3, Khoản 26.7 Điều 26. [Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị]		
	<p>26.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p>	<p>26.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay người điều hành công ty hoặc người đại diện cổ phần/phần vốn góp của Công ty tại đơn vị khác khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty.</p>	<p>Để làm rõ khái niệm người đại diện để thuận tiện trong quá trình quản trị, điều hành.</p>

	<p>5. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản trị Công ty, quy chế tổ chức và điều hành Công ty, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị;</p> <p>8. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 30% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1, 3 - Điều 162 của Luật doanh nghiệp</p> <p>10. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý;</p>	<p>5 Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế tổ chức và điều hành Công ty, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị;</p> <p>8. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 15% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1, 3 - Điều 162 của Luật doanh nghiệp</p> <p>10. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p>	<p>Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 71 thì Quy chế quản trị công ty phải trình ĐHĐCĐ thông qua.</p> <p>Sửa đổi tỷ lệ giá trị giao dịch để phù hợp với đề xuất sửa đổi tại điểm 11 khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ</p> <p>Để làm rõ phạm vi của các thủ tục pháp lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị</p>
--	--	---	--

	<p>26.7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị được hưởng thù lao bằng 1% trên lợi nhuận trước thuế. Tỷ lệ này có thể thay đổi và được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p>	<p>26.7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị được hưởng thù lao bằng 1% trên lợi nhuận trước thuế theo Báo cáo tài chính hợp nhất của năm đã được kiểm toán. Tỷ lệ này có thể thay đổi và được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p>	<p>Để làm rõ việc tính thù lao của Hội đồng quản trị</p>
17	Thay thế Điều 28 [Thành viên Hội đồng quản trị thay thế]		
	<p>Điều 28 [Thành viên Hội đồng quản trị thay thế]</p> <p>28.1 Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.</p>	<p>Điều 28 [Ủy quyền thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị]</p> <p>Trong trường hợp đặc biệt, vì lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng, thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện nhiệm vụ thay mình và việc ủy quyền này phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận. Thời hạn ủy quyền không được vượt quá 06 tháng. Thành viên Hội đồng</p>	<p>Bỏ toàn bộ nội dung về thành viên Hội đồng quản trị thay thế để phù hợp với quy định hiện tại.</p> <p>Thay thế bằng điều khoản ủy quyền, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và không làm xáo trộn thứ tự các điều khoản khác.</p>

<p>28.2 Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định người đó là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định người đó không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.</p> <p>28.3 Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định thay thế không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại</p>	<p>quản trị phải chịu trách nhiệm về mọi quyết định, hành vi của người được ủy quyền.</p>	
---	--	--

	<p>được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.</p> <p>28.4 Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>28.5 Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.</p>		
18	Sửa đổi Khoản 29.11 Điều 29 [Các cuộc họp của Hội đồng quản trị]		

	<p>29.11. Bỏ phiếu của thành viên vắng mặt</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Hội đồng quản trị ít nhất 01 (một) giờ trước thời gian dự định khai mạc cuộc họp.</p>	<p>29.11. Bỏ phiếu của thành viên vắng mặt</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị ít nhất 01 (một) giờ trước thời gian dự định khai mạc cuộc họp.</p>	<p>Để phù hợp với khoản 9 Điều 153 LDN</p>
19	Sửa đổi khoản 30.2 Điều 30 [Các tiểu ban của Hội đồng quản trị]		
	<p>30.2. Giá trị pháp lý của hành động</p> <p>Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót</p>	<p>30.2. Giá trị pháp lý của hành động</p> <p>Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 31 Điều lệ mẫu</p>
20	Sửa đổi khoản 33.1, khoản 31.4 Điều 33 [Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc]		
	<p>33.1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng lao động quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo</p>	<p>33.1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng lao động quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo</p>	<p>Để phù hợp với Điều 31 Nghị định 71</p>

	cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	
	33.4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: 6. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 162 của Luật doanh nghiệp	33.4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: 6. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 162 của Luật doanh nghiệp	Sửa đổi tỷ lệ giá trị giao dịch để phù hợp với đề xuất sửa đổi tại điểm 11 khoản 15.2 Điều 15 và Điều 26.3 Điều lệ
21	Sửa đổi Điều 34 [Thư ký Công ty]		
	Điều 34. Thư ký Công ty 34.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm 01 (một) hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:	Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:	Để đáp ứng quy định về người quản trị công ty trong trường hợp công ty niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE trong năm 2019

<p>1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>2. Làm biên bản các cuộc họp;</p> <p>3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>34.2. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông</p>	
--	---	--

		<p>tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
22	Sửa đổi Điều 36. [Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi]		
	<p>36.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>36.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>36.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>36.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ</p>	Điều 40 Điều lệ mẫu

<p>Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>36.3 Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>36.4 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với 01 (một) hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà 01 (một) hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực</p>	<p>chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>36.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>36.4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ trường hợp giao dịch giữa Công ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng một tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	
--	--	--

<p>hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>1. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>2. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>36.5. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên</p>	
---	--	--

	<p>3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p>	<p>Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
23	Sửa đổi khoản 38.4, khoản 38.5, bổ sung khoản 38.6 Điều 38. [Thành viên Ban kiểm soát]		
<p>38.4 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>1. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 - Điều 18 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>38.4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 – Điều 18 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Bổ sung tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 20.2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p>	



	<p>2. Không phải là người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác theo quy định tại Mục 14 - Khoản 1.1 Điều 1 của Điều lệ này.</p>	<p>2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người điều hành công ty khác;</p> <p>3. Không thuộc các trường hợp làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	
24	<p>38.5 Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát; 2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận; 3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; 4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục và trong thời gian 	<p>38.5. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp; 2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 3. Có đơn từ chức và được chấp thuận; 4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. 	<p>Phân chia rõ các trường hợp miễn nhiệm và bãi nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát</p>

	<p>này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>5. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>		
	Không có	<p>38.6. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p>	
25	Sửa đổi khoản 39.3, khoản 39.4 Điều 39 [Ban kiểm soát]		
	<p>39.3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người.</p>	<p>39.3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 tổng số thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 71</p>
	<p>39.4 Ban kiểm soát được hưởng thù lao bằng 0,15% trên lợi nhuận trước thuế. Tỷ lệ này có</p>	<p>39.4 Ban kiểm soát được hưởng thù lao bằng 0,15% trên lợi nhuận trước thuế theo Báo cáo</p>	<p>Để làm rõ việc tính thù lao của Ban kiểm soát</p>

	<p>thể thay đổi và được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>tài chính hợp nhất của năm đã được kiểm toán. Tỷ lệ này có thể thay đổi và được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
26	Sửa đổi khoản 42.5, khoản 42.7 Điều 42 [Cổ tức]		
	<p>42.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã</p>	<p>42.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã</p>	<p>Để phù hợp với việc đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom của Công ty</p>

	<p>chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>	
	<p>42.7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan</p>	<p>42.7 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể làm ngày đăng ký cuối cùng. Chỉ những người có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập vào ngày đăng ký cuối cùng mới được nhận các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán mà mình sở hữu.</p>	<p>Để phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán, bảo đảm quyền lợi đầy đủ của cổ đông</p>
27	Sửa đổi Điều 45 [Trích lập quỹ]		
	<p>45.1 Hàng năm, Công ty phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình (nếu có) một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn theo quy định</p>	<p>45.1 Hàng năm, Công ty phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình (nếu có) một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn theo quy định</p>	

<p>của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</p> <p>45.2 Hàng năm, ngoài khoản trích tại Khoản 45.1 của Điều này, Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên việc trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế của mình (nếu có) như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quỹ khen thưởng: dùng để khen thưởng cho những cá nhân, tập thể có đóng góp cho sự phát triển của công ty. 2. Quỹ phúc lợi: dùng giải quyết các chính sách đối với người lao động và các cá nhân khác có đóng góp cho hoạt động của Công ty. 3. Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển và các khoản khác trên cơ sở lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức và trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi. Quỹ dự phòng tài chính được trích tối đa đến 20% vốn điều lệ. 	<p>của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</p> <p>45.2 Hàng năm, ngoài khoản trích tại Khoản 45.1 của Điều này, Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên việc trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế của mình (nếu có) như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quỹ khen thưởng: dùng để khen thưởng cho những cá nhân, tập thể có đóng góp cho sự phát triển của công ty. 2. Quỹ phúc lợi: dùng giải quyết các chính sách đối với người lao động và các cá nhân khác có đóng góp cho hoạt động của Công ty. 3. Quỹ đầu tư phát triển và các khoản khác trên cơ sở lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức và trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi. 	<p>Bỏ nội dung Quỹ dự phòng tài chính để phù hợp với quy định tại Điều 70 Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp</p>
--	--	--

28	Sửa đổi khoản 48.1, khoản 48.4 Điều 48. [Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý]		
<p>48.1 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>48.1 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải công bố thông tin theo quy định pháp luật.</p>	<p>Để đảm bảo việc công bố thông tin, nộp báo cáo tài chính phù hợp với các quy định của pháp luật</p>	
<p>48.4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng 03 (ba) số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và 06 (sáu) tháng của công ty phải được công bố trên website đó.</p>	<p>48.4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>Việc công bố báo cáo tài chính trên nhật báo địa phương và 1 tờ báo kinh tế trung ương là không cần thiết và tốn kém (toàn văn BCTC đã được công bố trên website công ty, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội).</p>	

29	Sửa đổi khoản 50.3 Điều 50 [Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý]		
	<p>50.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p>	<p>50.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị phê duyệt. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p>	<p>Để làm rõ thời hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc thông qua báo cáo tài chính năm</p>
30	Thay thế cụm từ “Cán bộ quản lý” thành “người điều hành công ty” trong toàn bộ Điều lệ Công ty.		

